

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/HS-ST
Ngày 26-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn PH1 Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông H Văn Tuấn - Giáo viên trường THCS TM, thành phố BG, tỉnh BG.
2. Ông Nguyễn Văn Môn - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 18/7/2006 tại huyện LG, tỉnh BG; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Lê, xã Xuân H1, huyện LG, tỉnh BG; Nghề nghiệp: Học sinh Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp BG; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện tại ngoại. (Có mặt)

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm L, xã XH, huyện LG, tỉnh BG.

(Có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Hoàng Trọng Ng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BG. (Có mặt)

- Ông Trần Công Th - Luật sư Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh BG; Địa chỉ: Số 985a, đường LL, tổ dân phố G, phường D, thành phố BG, tỉnh BG. (Có mặt)

* Bị hại:

- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Kí ốt 5, chợ HV, phường Tr, thành phố BG, tỉnh BG.

(Vắng mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm L, xã XH, huyện LG, tỉnh BG.

(Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm L, xã XH, huyện LG, tỉnh BG.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/5/2023, Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/7/2006, trú tại thôn L, xã XH, huyện LG, tỉnh BG điều khiển xe mô tô biển số 98L2- 0164 đi đến cửa hàng điện thoại Trường Sinh ở ki ốt số 5, chợ HV, phường Tr, thành phố BG. Tại đây, H cầm cố chiếc điện thoại Iphone 11 của H cho chị Phạm Thị H1, sinh năm 1986 là chủ cửa hàng để vay 4.000.000 đồng và hẹn ngày hôm sau sẽ quay lại chuộc điện thoại. Sau đó, H mua của chị H1 01 chiếc điện thoại Iphone 6s với giá 1.000.000 đồng để dùng tạm.

Đến ngày 10/5/2023 H nảy sinh ý định đến cửa hàng của chị H1 mục đích lợi dụng sơ hở sẽ trộm cắp điện thoại. Khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, H lấy khẩu trang che lại biển số 98L2- 0164 đi xe mô tô từ nhà đến cửa hàng của chị H1. Lúc này, chị H1 đang đứng ở quầy hàng. H nói với chị H1 cho chuộc lại điện thì H chỉ vào chiếc điện thoại Iphone 12, màu tím đã qua sử dụng để ở trong tủ quầy và bảo chị H1 lấy cho xem. H hỏi giá chiếc điện thoại này thì chị H1 nói bán với giá 8.900.000 đồng. H hỏi giá bán chiếc điện thoại Iphone 11 của H thì chị H1 nói mua với giá 5.000.000 đồng. H đưa trả lại chiếc điện thoại Iphone 11 và hỏi chị H1 nhiều vấn đề liên quan đến sử dụng điện thoại. Chị H1 nghi ngờ nên nói với H: “Nếu có ý định trộm điện thoại của chị thì bỏ đi nhé”. Thấy điện thoại Iphone 12 sắp hết pin, H đưa trả chị H1 chiếc điện thoại này. Chị cầm chiếc điện đi cắm sạc pin tại khu vực quầy bán hàng rồi đi vào trong nhà. Lúc này trong cửa hàng có một người khách nên H không dám lấy trộm được chiếc điện thoại Iphone 12. H giả vờ nghe điện thoại để kéo dài thời gian để chờ cơ hội trộm cắp. Khoảng 05 phút sau, chị H1 đi ra cửa tiễn khách về thì có một người đến kiểm tra đường nước của cửa hàng. Khi chị H1 đưa người này vào trong nhà kiểm tra đường nước. Lúc này chỉ có một mình H ở khu vực quầy hàng. H đi ra vị trí chiếc điện thoại Iphone 12 đang cắm sạc, rút điện thoại khỏi dây sạc rồi đi ra xe mô tô đỗ ở trước cửa hàng. H vừa ngồi lên xe mô tô thì chị H1 đi ra hỏi “không mua nữa à” thì, H trả lời “không”. H giấu chiếc điện thoại Iphone 12 trộm cắp được vào túi quần bên phải rồi đạp nổ xe và đi về nhà. H lấy sim số thuê bao 0345.318.295 của H lắp vào chiếc điện thoại Iphone 12 vừa trộm cắp để sử dụng.

Ngay sau khi phát hiện bị trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 12, chị H1 nghi ngờ H trộm cắp chiếc điện thoại nên kiểm tra camera an ninh thì phát hiện H đi chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 98L2-0164 đến cửa hàng. Sau đó, chị H1 làm đơn trình báo và giao nộp 03 đoạn video trích xuất từ camera an ninh tại cửa hàng điện thoại.

Cơ quan điều tra xác minh và triệu tập H để làm việc thì H thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của chị H1 và giao nộp:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu tím, số Imei 1 là 351696729982090, số Imei 2 là 351696729813832, số thuê bao 0345.318.295.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Majesty, biển số 98L2- 0164.

Kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐG ngày 10/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố BG kết luận: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 12, màu tím, có giá trị tại thời điểm ngày 10/5/2023 là 8.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã cho H xem đoạn vi deo do chị H1 cung cấp. Kết quả H xác định có hình ảnh H đeo khẩu trang, đi xe mô tô đến cửa hàng điện thoại Trường Sinh vào khoảng 11 giờ ngày 10/5/2023 và thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị H1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu tím số Imei 1 là 351696729982090, số Imei 2 là 351696729813832.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị Đ là mẹ bị cáo H đã đưa H đến xin lỗi và bồi thường cho chị Phạm Thị H1 01 triệu đồng. Chị H1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 98L2- 0164. Kết quả điều tra xác định là của ông Nguyễn Văn T là bố của H giao cho H sử dụng làm pH1 tiện đi học. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chiếc xe mô tô và chiếc sim điện thoại 0345.318.295 để xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 28 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, tỉnh BG đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

- * Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Đ trình bày: Số tiền 1.000.000 đồng bà bồi thường cho chị Phạm Thị H1 thay bị cáo là tiền của bà. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

- * Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân H1, huyện LG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại ông Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty biển số 98L2- 0164 và trả lại cho bị cáo chiếc sim điện thoại 0345.318.295.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG truy tố đối với bị cáo. Bị cáo còn ít tuổi, chưa trưởng thành, nhận thức chưa đầy đủ nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bị cáo rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nhất trí với ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo, xin được hưởng án treo để có cơ hội cải sửa bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BG, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ đã có lời khai những người này nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/5/2023, Nguyễn Văn H đi xe mô tô biển số 98L2- 0164 đến cửa hàng điện thoại TS ở ki ốt số 5, chợ HV, phường Tr, thành phố BG. H giả vờ mua chiếc điện thoại Iphone 12. Chị Phạm Thị H1 là chủ cửa hàng đưa chiếc điện thoại Iphone 12 để H xem. Do điện thoại sắp hết pin nên chị H1 cầm chiếc điện thoại cắm sạc pin tại quầy bán hàng. Lợi dụng lúc chị H1 sơ hở, H đi ra vị trí chiếc điện thoại Iphone 12 đang cắm sạc, rút điện thoại khỏi dây sạc rồi đi ra xe mô tô về nhà. Chiếc điện thoại mà H chiếm đoạt trị giá 8 triệu đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành

phổ BG truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào phạm quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phạt xử phạt tù giam, mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đủ để giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại ông Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty biển số 98L2- 0164 và trả lại cho bị cáo chiếc sim điện thoại 0345.318.295 do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã Xuân H1, huyện LG, tỉnh BG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về vật chứng:

+ Trả lại ông Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty biển số 98L2- 0164.

+ Trả lại cho bị cáo chiếc sim điện thoại 0345.318.295.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BG
- VKSND thành phố BG;
- CQCSĐT-CA TP BG;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS TP BG;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND x.XH, h.LG, BG;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn PH1 Thảo